

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 122/2020/HC-PT

Ngày: 10/6/2020

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Phương Hạnh;

Ông Nguyễn Ngọc Vân;

Thư ký phiên tòa: Bà Vy Minh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Nguyễn Thị Thu Hương, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 278/2019/TLPT-HC ngày 19 tháng 8 năm 2019 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 16/2019/HC-ST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3805/2020/QĐPT-HC ngày 20 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Trần Khắc C, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Xóm 6, xã A, huyện L, tỉnh H; có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L: Bà Ngụy Thị Tuyết L.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành T – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện L; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thị trấn Vĩnh T, huyện L, tỉnh H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A, huyện L: Ông Trần Hữu T; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Xã A, huyện L, tỉnh H.

- Bà Trần Thị P, sinh năm 1960; anh Trần Khắc Q, sinh năm 1982; anh Trần Khắc G, sinh năm 1987; cùng địa chỉ: Xóm 6, xã A, huyện L, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền của bà P, anh Q, anh G: Ông Trần Khắc C.

- Ông Trần Khắc H, sinh năm 1950; vắng mặt.

- Ông Trần Khắc V, sinh năm 1948; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Xóm 6, xã A, huyện L, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo ông Trần Khắc C trình bày:

Năm 1993, gia đình ông gồm có 4 khẩu được chia đất theo tiêu chuẩn 115 và Nghị định của Chính Phủ và 4 khẩu được chia đất % theo tiêu chuẩn của địa phương $40\text{m}^2/\text{khẩu}$ gồm có ông, bà Trần Thị P (là vợ của ông) và 2 con là Trần Khắc Q và Trần Khắc G. Sau khi được chia đất gia đình ông đã sử dụng ổn định từ năm 1993-1995 tại 4 thửa đất: Thửa số 1 cùng với thửa đất ông đang ở (ông đã chuyển nhượng cho bà V, xóm 1, xã A), không nhớ diện tích; thửa số 2 là thửa ruộng không nhớ diện tích, thửa số 3 là thửa đất vườn 72m^2 nằm cạnh thửa của ông Trần Khắc H, sau năm 1994 ông đã cho ông H làm thuê (có giấy tờ ông H công nhận); thửa số 4 là thửa ao diện tích 212m^2 (đất nuôi trồng thủy sản) nằm cạnh thửa đất của ông Trần Khắc V, năm 1994, ông cho ông Trần Khắc V làm thuê (có giấy biên nhận). Đến năm 2010, do nhu cầu ông đòi lại để sử dụng thì được biết thửa đất số 3, 4 đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất cho ông H và ông V. Đây là một việc làm vi phạm pháp luật như trong Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh H đã công nhận hành vi của UBND xã A lấy đất của ông cấp cho ông H và ông V.

Trên phần đất ông bán cho bà V có rãnh nước, sau khi nhận chuyển nhượng từ ông thì bà V có san lấp rãnh và lấn thêm ra đến gần mép đường nên diện tích đất của bà V tăng lên là 640m^2 gồm 160m^2 đất ở, 480m^2 đất vườn, đồng thời đối với phần đất lúa ông bán cho bà V chỉ có diện tích là 324m^2 chứ không phải diện tích 356m^2 .

Ông đề nghị hủy Quyết định số 6560/QĐ-UBND ngày 23/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L về việc giải quyết khiếu nại. Công nhận trả lại 2 thửa đất mà ông đã cho ông H và ông V làm thuê từ năm 1994.

Theo ý kiến trình bày của người bị kiện: Tiêu chuẩn đất nông nghiệp được giao ổn định của hộ ông Trần Khắc C gồm 04 khẩu tiêu chuẩn % với $40\text{m}^2/\text{khẩu} = 160\text{m}^2$; 04 khẩu tiêu chuẩn 115 với $169\text{m}^2/\text{khẩu} = 676\text{m}^2$, tổng diện tích tiêu chuẩn đất nông nghiệp được hưởng là 836m^2 . Năm 1995, ông C đã bán hết cho hộ bà V sử dụng tại tờ bản đồ số 31 thửa 12 diện tích 640m^2 gồm 160m^2 đất ở, 480m^2 đất vườn và được cấp GCNQSD đất số vào sổ 00924QSDĐ/14/QĐ-UB ký ngày 17/01/2000; tại tờ 32 thửa 77 (16) diện tích 356m^2 đất lúa và được cấp

GCNQSD đất số 3709 QSDĐ/14/QĐ-UB ký ngày 17/01/2000 mang tên Trần Anh B (con trai bà V).

Theo giấy tờ viết tay giữa 2 bên năm 1995 có xác nhận của trưởng xóm 6 là 160m² đất thổ cư, còn lại là đất vườn trong khuôn viên và đất lúa tại xứ đồng cửa Khoát thì không nhớ diện tích. Qua kết quả làm việc với ông C, bà Trần Thị V và anh Trần Anh B cho thấy: Đối với thửa đất trong khuôn viên mà gia đình anh Trần Anh B đang sử dụng từ thời điểm bà V mua của ông C cho anh B sử dụng đến khi được cấp GCNQSD đất thì mốc giới và diện tích không thay đổi, phía Tây Bắc tiếp giáp với đất ao hộ ông A, phía Đông Bắc tiếp giáp với đường xóm, phía Tây Nam tiếp giáp hộ ông Trần Duy R, phía Nam tiếp giáp hộ ông Trần Đức Q, phía Đông Nam tiếp giáp hộ bà Trần Thị T (hiện nay do hộ ông Trần Mạnh H là con bà T đang sử dụng), tổng diện tích trong khuôn viên là 640m² gồm 160m² đất ở và 480m² đất vườn; Đối với thửa đất ruộng tại xứ đồng cửa Khoát, khi bà V mua của ông C thì đã được ông C chỉ mốc giới và gia đình sử dụng ổn định, không tranh chấp với bất kỳ ai, diện tích 356m² đất lúa.

Theo hồ sơ quản lý của xóm 6 và hồ sơ địa chính của xã A thì khi thực hiện Kế hoạch số 278/KH-UB và Quyết định số 924/QĐ-UB của UBND tỉnh H và Chỉ thị 15 năm 2001 về dồn đổi ruộng đất, xóm 6, UBND xã A cân đối tiêu chuẩn đất nông nghiệp của các hộ dân từ nhà ra đồng, theo Phương án của xóm đối với đất vườn, đất lúa, đất màu quy 1, đất ao quy 3. Như vậy, tổng diện tích đất nông nghiệp hộ ông C đã bán cho bà V là 836m², gồm: Đất vườn trong khuôn viên 480m²; đất ruộng lúa 356m² đất lúa (cửa Khoát) bằng với tổng tiêu chuẩn đất nông nghiệp của gia đình ông C được hưởng. Tại biên bản làm việc với ông Trần Khắc C ngày 27/8/2018, ông C không khiếu nại gì đối với 02 thửa đất này.

Khi thực hiện Quyết định số 924/QĐ-UB của tỉnh H về việc đo đạc lập bản đồ và hoàn thiện hồ sơ địa chính các cấp; Kế hoạch số 278/KH-UB ngày 15/7/1998 của UBND tỉnh H về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 10 của Ban thường vụ tỉnh ủy và Quyết định số 613/QĐ-UB của UBND tỉnh H về việc thành lập ban chỉ đạo về giao đất, cấp GCNQSD đất; Chỉ thị 15 năm 2001 về dồn đổi ruộng đất, xóm 6, UBND xã A cân đối tiêu chuẩn đất nông nghiệp từ nhà ra đồng và giao đất 02 thửa đất nằm ngoài tiêu chuẩn của hộ ông C cho hộ ông Trần Khắc H (thửa đất vườn diện tích 72m²), cho hộ ông Trần Khắc V (thửa đất Ao diện tích 212m²) sử dụng và lập hồ sơ cấp GCNQSD đất cho 02 hộ này là đúng quy định; Việc ông C đòi 02 thửa đất trên là không có cơ sở.

Do vậy, việc ông C khiếu nại Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 24/5/2018 của Chủ tịch UBND xã A là không có căn cứ, UBND huyện L ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 6560/QĐ-UBND ngày 23/10/2018 là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án xem xét bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Khắc C.

Chủ tịch UBND xã A có ý kiến: Nhất trí với ý kiến của Chủ tịch UBND huyện L.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà P, anh Q, anh G là ông Trần Khắc C trình bày: Nhất trí với quan điểm của người khởi kiện.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Khắc H trình bày: Trước năm 1993, ông C cho ông làm 72m² đất khoán sản của Hợp tác xã, ông phải nộp thuế cho Hợp tác xã, ông C không lấy hoa lợi gì. Đến năm 1996, do đặc dễ vào bản đồ và cân đối ruộng đất, do gia đình ông thiếu tiêu chuẩn nên đội đã giao 72m² đất vườn (do ông C sử dụng trước đây) sang cho ông và ông đã được cấp GCNQSD đất vào năm 2000. Hiện gia đình ông vẫn còn thiếu 17m² đất tiêu chuẩn, nhưng gia đình ông không đề nghị lấy thêm. Giấy viết tay năm 2009 ông không nhớ ngày, tháng và cũng không nhớ rõ nội dung, giấy này là do ông C đọc cho ông viết và bắt ông ký. Ông không đồng ý trả lại 72m² đất vườn cho ông C.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Khắc V trình bày: Nguồn gốc diện tích 212m² thả cá trước đây là của bố mẹ ông để lại và do Hợp tác xã quản lý (vì các cụ là xã viên Hợp tác xã), ông C là người được các cụ giao sử dụng từ năm 1993; đến năm 2000, khi ông sử dụng ao thì trả ông C 5kg cá/năm. Năm 2000, chia lại đất thì diện tích đất 212m² ao (do ông C sử dụng) được chuyển sang tên ông và ông đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/01/2000 diện tích 655m² (bao gồm 212m² ao của ông C sử dụng mà ông vẫn trả sản phẩm 5kg cá/năm). Năm 1993, gia đình ông được Nhà nước giao tiêu chuẩn đất như sau: 01 thửa đất thổ cư và đất vườn số 159 tờ bản đồ 31 diện tích 1.215m² (trong đó 320m² đất ở, 895m² đất vườn), 02 thửa đất lúa số 15 tờ bản đồ 32 diện tích 212m², 03 thửa đất ao số 161 tờ bản đồ 31 diện tích 290m². Sau khi dồn đổi ruộng đất, gia đình ông được Nhà nước giao thêm 153m² đất tại thửa ao trên và được cấp GCNQSD đất tổng diện tích 443m² đất ao, từ đó tới nay gia đình ông sử dụng ổn định. Giấy viết tay đề ngày 10/4/2018, ông C đọc cho ông viết; ông không đồng ý trả lại 212m² đất ao cho ông C.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2019/HC-ST ngày 28/6/2019, Tòa án nhân dân tỉnh H đã quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Khắc C về việc yêu cầu hủy Quyết định số 6560/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Khắc C, công dân xóm 6, xã A, huyện L, tỉnh H và yêu cầu trả lại 2 thửa đất mà ông đã cho ông H và ông V làm thuê từ năm 1994.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 11/7/2019, ông Trần Khắc C có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Trần Khắc C giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo; giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đương sự tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 13/11/2018, ông Trần Khắc C khởi kiện đề nghị hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 6560/QĐ-UBND ngày 23/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện L là khiếu kiện hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Tòa án nhân dân tỉnh H thụ lý, giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32; khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 6560/QĐ-UBND ngày 23/10/2018 về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện L:

[2.1] Về thẩm quyền ban hành Quyết định số 6560/QĐ-UBND: Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định số 6560/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Khắc C, là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 18 Luật khiếu nại năm 2011.

[2.2] Về nội dung: Thực hiện Quyết định 115 ngày 15/02/1992 của UBND tỉnh H Ninh về việc giao đất nông nghiệp. Năm 1993, hộ ông Trần Khắc C có 04 khẩu tiêu chuẩn % với $40m^2/\text{khẩu} = 160m^2$, 04 khẩu tiêu chuẩn 115 với $169m^2/\text{khẩu} = 676m^2$, tổng diện tích tiêu chuẩn đất nông nghiệp được hưởng là $836m^2$; cụ thể:

Thửa số 1: Liền đất thổ cư đã chuyển nhượng cho bà V và ông F.

Thửa số 2: Đất lúa tại cửa Khoát đã chuyển nhượng cho bà V và ông F.

Thửa số 3: Đất vườn diện tích $72m^2$ nằm cạnh thửa của ông Trần Khắc H.

Thửa số 4: Đất Ao diện tích $212m^2$ nằm cạnh thửa của ông Trần Khắc V.

Năm 1995, ông C chuyển nhượng 02 thửa đất (thửa số 1 và thửa số 2) cho bà V, ông F (*bà V mua cho con trai là anh Trần Anh B sử dụng*). Theo giấy tờ viết tay giữa 2 bên ngày 28/02/1995 có xác nhận của trưởng xóm 6 thì diện tích chuyển nhượng là: $216m^2$ sản lượng của Hợp tác xã và $160m^2$ đất phần trăm và $324m^2$ đất ruộng.

Sau khi tiến hành xác minh đối với 2 thửa đất trên, bà Trần Thị V và anh Trần Anh B đều khẳng định: Đối với thửa đất trong khuôn viên mà gia đình anh Trần Anh B đang sử dụng từ thời điểm bà V nhận chuyển nhượng của ông C cho anh B sử dụng đến khi được cấp GCNQSD đất thì mốc giới và diện tích không thay đổi, phía Tây Bắc tiếp giáp với đất ao hộ ông A, phía Đông Bắc tiếp giáp với đường xóm, phía Tây Nam tiếp giáp hộ ông Trần Duy R, phía Nam tiếp giáp hộ ông Trần Đức Q, phía Đông Nam tiếp giáp hộ bà Trần Thị T (*hiện nay do hộ ông Trần Mạnh Hùng là con bà Tính đang sử dụng*). Khi ông C chuyển nhượng

quyền sử dụng đất cho bà V thì trên thửa đất không còn rãnh thoát nước như khi giao đất cho ông C, rãnh đó ông C đã san lấp ra tận mép đường và phần rãnh đó nằm trong phần diện tích ông C đã chuyển nhượng cho bà V, sau này phần diện tích này đã được hợp pháp hóa và anh B đã được cấp GCNQSD đất toàn bộ diện tích ông C đã chuyển nhượng cho gia đình bà V. Gia đình bà V không lấn chiếm, cũng không bị xử lý vi phạm gì về lấn chiếm đất đai. Theo GCNQSD đất năm 2000 đã cấp cho anh B thì tổng diện tích trong khuôn viên là 640m² gồm 160m² đất ở và 480m² đất vườn. Đối với thửa đất ruộng tại xứ đồng cửa Khoát, khi bà V nhận chuyển nhượng của ông C thì đã được ông C chỉ mốc giới, theo ông C xác định thì diện tích là 324m² tại cửa Khoát, sau khi đo đạc thì diện tích thực tế là 356m², đến khi thực hiện dồn đổi ruộng đất, gia đình bà V chuyển đổi toàn bộ diện tích đất lúa 356m² tại cửa Khoát về khu đất Dân quân, diện tích không thay đổi là 356m².

Như vậy, tổng diện tích đất nông nghiệp hộ ông C đã chuyển nhượng cho bà V là 836m², gồm: Đất vườn trong khuôn viên 480m²; đất ruộng lúa 356m² đất lúa (cửa Khoát) bằng với tổng tiêu chuẩn đất nông nghiệp của gia đình ông C được hưởng. Ông Trần Khắc C cũng không khiếu nại gì đối với 02 thửa đất này.

[2.3] Đối với thửa đất vườn của ông H: Thực hiện Kế hoạch số 278/KH-UB và Quyết định số 924/QĐ-UB của UBND tỉnh H, xóm 6 cân đối cho hộ ông C tiêu chuẩn tại 02 thửa đất vườn khuôn viên và đất ruộng cửa Khoát đã đủ tiêu chuẩn nên đã giao vào tiêu chuẩn cho hộ ông H, ông H phải trả ra 02 thửa đất lúa. Tổng diện tích đất nông nghiệp tiêu chuẩn của hộ ông H cân đối còn thiếu 17m² nhưng ông H đồng ý và không có ý kiến gì về việc thiếu ruộng. Hộ ông H được xóm 6 xã A lập hồ sơ và được UBND huyện L ký cấp GCNQSD đất có số vào sổ 00933 QSDĐ/14/QĐ-UB ký ngày 17/01/2000 tại tờ 20 thửa số 362 diện tích 225m² đất vườn. Vì vậy việc xóm 6 và UBND xã A cân đối tiêu chuẩn đất nông nghiệp theo số liệu đo đạc 924, giao 72m² đất vườn và lập hồ sơ cấp GCNQSD đất cho ông Trần Khắc H là đúng.

[2.4] Đối với thửa đất ao của ông V: Thực hiện Kế hoạch số 278/KH-UB và Quyết định số 924/QĐ-UB của UBND tỉnh H, xóm cân đối diện tích đất tiêu chuẩn của hộ ông C tại 02 thửa đất vườn trong khuôn viên và đất ruộng cửa Khoát đã đủ tiêu chuẩn nên giao cho ông V sử dụng 212m² đất ao, tổng số 443m², xóm 6 cân đối và UBND xã A lập hồ sơ cấp GCNQSD đất và đã được UBND huyện L cấp GCNQSD đất số 03790 QSDĐ/14/QĐ-UB ngày 17/01/2000 tại tờ bản đồ số 31 thửa số 161(2) diện tích 443m² đất ao. UBND xã A cân đối tiêu chuẩn đất nông nghiệp theo số liệu đo đạc 924, giao 212m² đất ao và lập hồ sơ cấp GCNQSD đất cho hộ ông Trần Khắc V là đúng theo quy định.

[2.5] Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Khắc C đề nghị hủy Quyết định số 6560/QĐ-UBND có căn cứ. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Khắc C.

[3] Về án phí: Do ông Trần Khắc C là người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên Hội đồng xét xử miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông C theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, án phí và lệ phí Tòa án:

Bác yêu cầu kháng cáo của ông Trần Khắc C; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2019/HCST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

Về án phí: ông Trần Khắc C không phải chịu tiền án phí hành chính phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND CC tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh H;
- TAND tỉnh H;
- Các đương sự;
- Lưu: HSV.A.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Bình